

Bản án số: 239/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 11 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1989; Cư trú tại: Ấp Ng B, xã Tr Ph, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Đ; sinh năm: 1981; Cư trú tại: Ấp Ch L, xã Tr Ph, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị M chung sống với anh Phan Văn Đ vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình có hòa giải nhưng không thành, xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên chị Huỳnh Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

- Về con chung: Có hai con chung tên Phan Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2009 và Phan Trọng Ng, sinh ngày 06/5/2012. Cháu K hiện đang sống chung với anh Đ và cháu Ng đang sống chung với chị. Khi ly hôn con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết anh Phan Văn Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị M chung sống năm 2005, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng không nhiều, chị M về nhà cha mẹ ruột sống khoảng mấy tháng và ly thân đến nay, gia đình hai bên chưa có hoà giải hàn gắn mâu thuẫn anh chị. Nay anh Đ vẫn còn thương chị M nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Như chị M trình bày là đúng, trường hợp Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị M và anh Phan Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các Đ sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh Đ chung sống vào năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống, chị M xác định không còn tình cảm với anh Đ và cương quyết ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh, chị có đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các Đ sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Quá trình giải quyết vụ án cháu Phan Thị Diễm K có nguyện vọng tiếp tục sống cùng cha là anh

Phan Văn Đ, cháu Ng có nguyện vọng tiếp tục sống cùng mẹ là chị Huỳnh Thị M, đồng thời từ khi anh chị ly thân nhau đến nay, các cháu vẫn đảm bảo điều kiện học hành, hiện tại cháu có cuộc sống ổn định nên không cần thay đổi và xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu. Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Phan Thị Diễm K cho anh Đ, giao cháu Phan Trọng Ng cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Các Đ sự không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị M xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Anh Đ và chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị M và anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2009 cho anh Phan Văn Đ và cháu Phan Trọng Ng, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Huỳnh Thị M cùng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Văn Đ và chị Huỳnh Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013049 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Trúc

Bản án số: 239/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 11 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ng Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1989; Cư trú tại: Ấp Ng B, xã Tr Ph, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Đ; sinh năm: 1981; Cư trú tại: Ấp Ch L, xã Tr Ph, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị M chung sống với anh Phan Văn Đ vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình có hòa giải nhưng không thành, xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên chị Huỳnh Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

- Về con chung: Có hai con chung tên Phan Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2009 và Phan Trọng Ng, sinh ngày 06/5/2012. Cháu K hiện đang sống chung với anh Đ và cháu Ng đang sống chung với chị. Khi ly hôn con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết anh Phan Văn Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị M chung sống năm 2005, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng không nhiều, chị M về nhà cha mẹ ruột sống khoảng mấy tháng và ly thân đến nay, gia đình hai bên chưa có hoà giải hàn gắn mâu thuẫn anh chị. Nay anh Đ vẫn còn thương chị M nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Như chị M trình bày là đúng, trường hợp Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị M và anh Phan Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các Đ sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh Đ chung sống vào năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống, chị M xác định không còn tình cảm với anh Đ và cương quyết ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh, chị có đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các Đ sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Quá trình giải quyết vụ án cháu Phan Thị Diễm K có nguyện vọng tiếp tục sống cùng cha là anh

Phan Văn Đ, cháu Ng có nguyện vọng tiếp tục sống cùng mẹ là chị Huỳnh Thị M, đồng thời từ khi anh chị ly thân nhau đến nay, các cháu vẫn đảm bảo điều kiện học hành, hiện tại cháu có cuộc sống ổn định nên không cần thay đổi và xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu. Từ những cơ sở nêu, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Phan Thị Diễm K cho anh Đ, giao cháu Phan Trọng Ng cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Các Đ sự không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh Đ và chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị M và anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2009 cho anh Phan Văn Đ và cháu Phan Trọng Ng, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Huỳnh Thị M cùng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Văn Đ và chị Huỳnh Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013049 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đ sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đ sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Dương

Lê Văn Chuộng

Ng Ngọc Trúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 11 năm 2022

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ D

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ng Ngọc Trúc.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Chuộng và bà Ngô Hồng Dưỡng

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 421/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1989; Cư trú tại: Ấp Ng B, xã Tr Ph, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Đ; sinh năm: 1981; Cư trú tại: Ấp Ch L, xã Tr Ph, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật căn cứ: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

2/ Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị M và anh Phan Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2009 cho anh Phan Văn Đ và cháu Phan Trọng Ng, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Huỳnh Thị M cùng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Văn Đ và chị Huỳnh Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

3. Các vấn đề khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013049 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Các Đ sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đ sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ... phút, ngày 14 tháng 11 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Dương

Lê Văn Chuộng

Ng Ngọc Trúc